CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Dáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

Số: 00316/2024/KQTN/27

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

13/05/2024

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SUPER GREEN
2. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 2
3. **Địa chỉ** : Ấp 4, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
4. **Ngày lấy mẫu** : 06/05/2024
5. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
6. **Loại mẫu** : Không khí xung quanh
7. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

Vị trí đo	Tiếng ồn[(1)] (dBA)	Bụi[(1)] (mg/Nm^3)	NO_2[(1)] (mg/Nm^3)	SO_2[(1)] (mg/Nm^3)	CO[(1)] (mg/Nm^3)	H_2S[(1)] (mg/Nm^3)
Khu vực không khí xung quanh trại	60,7	0,22	0,056	0,059	5,77	KPH
QCVN 26:2010/BTNMT	**≤ 70**	-	-	-	-	-
QCVN 05:2023/BTNMT	-	**≤ 0,3**	**≤ 0,2**	**≤ 0,35**	**≤ 30**	**≤ 0,042**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878-2:2018	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HDPT-31-KHI CO	MASA 701

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;
- *[(1)] Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn*
- *QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

Số: 00316/2024/KQTN/27

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

13/05/2024

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SUPER GREEN
2. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 2
3. **Địa chỉ** : Ấp 4, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
4. **Ngày lấy mẫu** : 06/05/2024
5. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
6. **Loại mẫu** : Không khí môi trường lao động
7. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)	Ánh sáng (Lux)
Khu vực chuồng trại	31,0	67,5	0,4	67,8	465
QCVN 22:2016/BYT	-	-	-	-	**≥ 300**
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	**≤ 85**	-
QCVN 26:2016/BYT	**18 – 32**	**40 – 80**	**0,2 – 1,5**	-	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2022/BTNMT			TCVN 7878-2:2018	TCVN 5176:1990

Bảng 2:

Vị trí đo	Bụi (mg/m^3)	NO_2 (mg/m^3)	SO_2 (mg/m^3)	CO (mg/m^3)	H_2S (mg/m^3)
Khu vực chuồng trại	0,22	0,069	0,071	6,44	KPH
QCVN 02:2019/BYT	**≤ 8**	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	**≤ 5**	**≤ 5**	**≤ 20**	**≤ 10**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HDPT-31-KHI CO	MASA 701

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- *QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc*
- *QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc*
- *QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc*
- *QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc*
- *QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc*
- *KPH: Không phát hiện*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3702915820 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT - T. BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

VACI VALAS 073 | ilac-MRA | VIMCERTS 288

Số: 00316/2024/KQTN/27

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

13/05/2024

1 **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SUPER GREEN
2 **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 2
3 **Địa chỉ** : Ấp 4, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
4 **Ngày lấy mẫu** : 06/05/2024
5 **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
6 **Loại mẫu** : Nước thải
7 **Ký hiệu và mô tả mẫu** : 240506.37NT: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải
8 **Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

9 **Kết quả đo đạc, phân tích:**

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 39:2011/ BTNMT	Phương pháp đo đạc, phân tích
			240506.37NT		
1.	pH[1]	-	6,77	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS[1][a]	mg/L	28	-	TCVN 6625:2000
3.	COD[1]	mg/L	89	-	SMEWW 5220C:2023
4.	BOD_5[1]	mg/L	35	-	TCVN 6001–1:2021
5.	Amoni (NH_4^+_N)[1]	mg/L	5,12	-	TCVN 5988:1995
6.	Tổng Nitơ[1]	mg/L	22,5	-	TCVN 6638:2000
7.	Tổng phosphor[1]	mg/L	3,11	-	SMEWW 4500-P. B&E:2023
8.	Tổng dầu mỡ[*]	mg/L	1,1	-	SMEWW 5520B&F:2023
9.	Asen (As)[1]	mg/L	KPH MDL=0,0008	0,05	SMEWW 3113B:2023
10.	Chì (Pb)[1]	mg/L	KPH MDL=0,001	0,05	SMEWW 3113B:2023
11.	Ecoli[*]	MPN /100mL	$1,6x10^2$	200	TCVN 6187-2:1996
12.	Tổng Coliform[1]	MPN /100mL	$2,4x10^3$	-	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- *[1] Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *[a] Thông số được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam công nhận;*
- *[*] Thông số không quy định tại Thông tư quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường và các Quy chuẩn hiện hành về môi trường do Bộ TN&MT ban hành, được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và chỉ mang tính chất tham khảo.*
- *QCVN 39:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dùng cho tưới tiêu;*
- *KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Sự hài lòng của bạn - Uy tín của chúng tôi

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

Số: 00316/2024/KQTN/27

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

13/05/2024

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SUPER GREEN
2. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 2
3. **Địa chỉ** : Ấp 4, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
4. **Ngày lấy mẫu** : 06/05/2024
5. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
6. **Loại mẫu** : Nước ngầm
7. **Ký hiệu và mô tả mẫu** : 240506.37NN01: Nước ngầm tại giếng khoan số 1 của trại
   240506.37NN02: Nước ngầm tại giếng khoan số 2 của trại
8. **Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-11:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 11: Hướng dẫn lấy mẫu nước ngầm.
   TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
   TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
   TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý.
   TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
9. **Kết quả đo đạc, phân tích :**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp đo đạc, phân tích
			240506.37NN01	240506.37NN02		
1.	pH(1) (a)	-	6,77	6,78	5,8 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$)(1)	mg/L	123	108	500	TCVN 6224:1996
3.	TSS(1)	mg/L	KPH MDL=2	KPH MDL=2	-	TCVN 6625:2000
4.	Amoni ($N_NH_4^+$)(1) (a)	mg/L	KPH MDL=0,01	KPH MDL=0,01	1,0	TCVN 6179 – 1:1996
5.	Clorua (Cl^-)(1) (a)	mg/L	11,5	10,1	250	TCVN 6194:1996
6.	Nitrat ($N_NO_3^-$)(1)	mg/L	1,01	1,44	15	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2023
7.	Sulfat (SO_4^{2-})(1)	mg/L	22,1	27,7	400	SMEWW 4500-SO_4^{2-} .E:2023
8.	Sắt (Fe)(1)	mg/L	0,71	0,81	5	SMEWW 3111B:2023
9.	Tổng Coliform(1)	MPN/ 100mL	KPH	KPH	3	SMEWW 9221B:2023
10.	E. Coli(1)	MPN/ 100mL	KPH	KPH	Không phát hiện	SMEWW 9221B&F:2023

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- *(1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(a) Thông số được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam công nhận;*
- *QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.*
- *KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Sự hài lòng của bạn - Uy tín của chúng tôi

Được quét bằng CamScanner